

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẠ LONG  
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-ST  
Ngày 25 - 04 - 2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Xuân Giới  
2. Bà Trần Thị Kim Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 3 và 25 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2023/QĐXXST-DS ngày 23/11/2023; Quyết định hoãn phiên tòa các ngày 09/01/2024; 26/02/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 26/3/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị T**, năm sinh: 1981; nơi cư trú: tổ D, khu H, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Mai Phương T1**, sinh năm: 1992; nơi cư trú: tổ E, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1985; nơi cư trú: số nhà B, tổ C, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phạm Thị T trình bày:

Ngày 10/6/2021 bà T có cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Khi vay, hai bên không thỏa thuận về lãi suất, bà B có viết “giấy



vay tiền” ghi nhận sự thỏa thuận như sau: khi có nhu cầu lấy lại số tiền trên bà T báo trước cho bà B trước 15 ngày bà B sẽ hoàn trả đầy đủ. Bà T đã chuyển đủ cho bà B số tiền nêu trên trong đó có 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền mặt và 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) chuyển khoản từ tài khoản của bà T tại ngân hàng TMCP Đ đến tài khoản của bà B vào ngày 10/6/2021 và 14/6/2021. Sau đó trong thời gian từ sau ngày 15/6/2021 đến tháng 11/2022 bà T tiếp tục chuyển tiền nhiều lần vào tài khoản của bà B tại Ngân hàng Q cho bà B vay, cụ thể: Ngày 26/01/2022 chuyển khoản 50.000.000đ; Ngày 07/02/2022 chuyển khoản 20.000.000đ; Ngày 27/02/2022 chuyển khoản 100.000.000đ; Ngày 28/02/2022 chuyển khoản 200.000.000đ; Ngày 11/7/2022 chuyển khoản 200.000.000đ và 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tiền mặt. Tổng số tiền bà B nợ bà T là 770.000.000đ. Ngày 13/7/2022, bà T đã thông báo yêu cầu bà B trả số tiền nêu trên. Tuy nhiên bà B không trả, vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, buộc bị đơn Nguyễn Thị B phải trả cho bà tổng số tiền còn nợ là 817.817.000đ (tám trăm mười bảy triệu, tám trăm mười bảy nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 770.000.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu đồng); tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 29/7/2022 đến 15/3/2023 là 47.817.000đ (bốn mươi bảy triệu, tám trăm mười bảy nghìn đồng) .

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà T có bản tự khai trình bày bổ sung: Ngoài khoản vay theo giấy vay và các khoản như trình bày tại đơn khởi kiện thì bà T còn cho bà B vay nhiều khoản tiền khác bằng hình thức chuyển khoản, tuy nhiên các khoản này bà T và bà B đã tất toán xong cả gốc và lãi, do đó bà T không yêu cầu khởi kiện về nội dung này, mà chỉ khởi kiện các khoản vay như đơn khởi kiện đã nêu. Đồng thời xác định lại: tính đến thời điểm khởi kiện bà B đã trả cho bà T tổng tiền gốc bằng hình thức chuyển khoản với số tiền là 461.000.000đ, còn nợ lại bà T số tiền gốc là 297.000.000đ. Do đó Bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà B trả lại cho bà T số tiền gốc là 297.000.000đ và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 29/7/2022 đến 20/11/2023 là 37.689.300đ. Tổng cả gốc và lãi là: 334.689.300đ (ba trăm ba mươi tư triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm đồng).

Tại đơn trình bày và bản tự khai đề ngày 31/10/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị B thừa nhận có vay tiền của bà T, tuy nhiên việc bà T khởi kiện đòi bà số tiền gốc 770.000.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu đồng) là không có cơ sở vì theo các giao dịch tại ngân hàng từ 10/6/2021 đến hết 31/12/2022 thì tổng số tiền bà B vay của bà Phạm Thị T là 1.783.000.000đ (một tỷ, bảy trăm tám mươi ba triệu đồng), nhưng thực tế bà đã chuyển trả cho bà T số tiền 1.659.840.000đ (một tỷ, sáu trăm năm mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Do đó, bà chỉ đồng ý trả số tiền chênh lệch là 123.160.000đ (một trăm hai mươi ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, hiện tại do kinh tế khó khăn, mất khả năng thanh toán, bên cạnh



đó bà đang nuôi 3 con nhỏ nên chưa có khả năng hoàn trả số tiền trên cho bà T, khi công việc có thu nhập ổn định bà sẽ hoàn trả đầy đủ.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án thành phố H đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày 26/3/2024 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Sau phần xét hỏi, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng cứ. Quá trình tạm ngừng, Tòa án đã ban hành quyết định đối chất giữa bà T và bà B. Tuy nhiên vào ngày 12/4/2024 bà Nguyễn Thị B vắng mặt đồng thời gửi đơn từ chối đối chất nên Tòa án đã lập biên bản về việc không đối chất được.

Tại đơn từ chối đối chất đề ngày 11/4/2024 bà Nguyễn Thị B trình bày: Đối với các khoản vay của bà T: ngoài việc chuyển trả bà T qua tài khoản của bà tại Ngân hàng TMCP Q như bà đã kê khai thì bà còn chuyển trả bà T 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) từ tài khoản ngân hàng TMCP Q1 (V) vào ngày 07/11/2022. Bà khẳng định bà và bà T chỉ vay và trả nợ qua tài khoản ngân hàng, không giao dịch bằng tiền mặt nên đề nghị Tòa án xem xét xác định số tiền bà nợ bà T trên cơ sở số tiền bà T đã chuyển cho bà và số tiền bà đã trả bà T qua ngân hàng. Về thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ đối với bà T: bà chấp nhận đối với yêu cầu trả lãi chậm trả cho bà T từ tháng 12/2022 trở đi.

Ngày 29/3/2024, Tòa án thành phố H đã ban hành công văn số 138/2024/CV-TA đề nghị Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q2 cung cấp thông tin chi tiết về giao dịch ngày 14/6/2021 tại sao kê ngân hàng của bà Nguyễn Thị Bích. Tại công văn số 1131/CV-QNI ngày 08/4/2024 Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q2: “Thông tin giao dịch FT21165707683646/NBK ngày 14/6/2021 được ghi có vào lúc 11h12 ngày 14/6/2021; giao dịch chuyển đến từ số ví Viettelpay 9704229203177481275 của Phạm Thị T”

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/4/2024 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa trình bày: căn cứ vào các tài liệu do Tòa án thu thập bổ sung bà T xác định từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2022 bà T đã chuyển cho bà B vay tổng số tiền là 1.933.000.000đ (một tỷ, chín trăm ba mươi ba triệu đồng), việc cho vay toàn bộ bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà T tại Ngân hàng Đ (B1) và ví Viettelpay của bà T. Quá trình vay bà B đã chuyển trả bà T số tiền 1.695.000.000đ (một tỷ, sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) từ tài khoản của bà B tại ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP Q1. Như vậy số tiền gốc bà B còn nợ bà T là 237.160.000đ (hai trăm ba mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng), bà B cũng đã thừa nhận từ tháng 11/2022 bà T yêu cầu nhưng do mất khả năng thanh toán nên bà B không trả nợ bà T. Do đó, tại phiên tòa bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu, bà T yêu cầu bà B trả số nợ gốc là 237.160.000đ và lãi



chậm trả đối với số tiền gốc từ 01/12/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 25/4/2024) là: 511 ngày với lãi suất 10%/năm là 33.202.400 đồng; tổng cộng là 270.362.400 đ (hai trăm bảy mươi triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm đồng), rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 547.454.600đ.

Bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: do bận công việc nên bà không thể đến tham dự phiên tòa vào ngày 25/4/2024, bà đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà. Bà giữ nguyên quan điểm như đơn từ chối đối chất và các tài liệu kèm theo bà đã nộp cho Tòa án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh có mặt tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.**

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý, tiếp nhận tài liệu và chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về yêu cầu đòi số tiền 547.454.600đ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc khởi kiện buộc bị đơn Nguyễn Thị Bích t số tiền 270.362.400đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

##### **1.1 Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Bà Phạm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả nợ tiền theo giấy vay nợ và thỏa thuận miệng giữa 2 bên, các đương sự đều cư trú tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

1.2 Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 547.454.600 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 244 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.



**[2] Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 270.362.400 đ (hai trăm bảy mươi triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm đồng), trong đó tiền gốc là 237.160.000đ (hai trăm ba mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng); tiền lãi chậm trả là 33.202.400đ (ba mươi ba triệu, hai trăm linh hai nghìn, bốn trăm đồng), Hội đồng xét xử thấy:

#### 2.1 Về số tiền nợ gốc:

Tại “giấy vay tiền ngày 10/6/2021” bà B có ghi: “*Tôi có vay của bà Phạm Thị T, từ ngày 10/6/2021 số tiền 200.000.000đ, khi có nhu cầu lấy lại số tiền trên bà T báo trước tôi 15 ngày tôi sẽ hoàn trả đầy đủ*”. Nội dung giấy vay tiền phù hợp với sao kê tài khoản của bà T, bà B tại ngân hàng cho thấy: từ ngày 10/6/2021 đến 14/6/2021 bà T có 3 lần chuyển tiền từ tài khoản 4451000397519 tại Ngân hàng TMCP Đ và từ ví Viettelpay của mình đến tài khoản số 6010103336888 tại Ngân hàng TMCP Q mang tên Nguyễn Thị B số tiền 200.000.000đ vào ngày 10/6/2021 là 100 triệu đồng; vào ngày 14/6/2021 hai lần mỗi lần 50 triệu đồng. Ngoài 3 lần chuyển tiền theo giấy vay ngày 10/6/2021 nêu trên thì trong khoảng thời gian từ 15/06/2021 đến 07/11/2022 bà T tiếp tục chuyển khoản cho bà B 14 lần với tổng số tiền 1.733.000.000đ. Như vậy tổng số tiền bà T đã chuyển khoản cho bà B là 1.933.000.000đ như bà T trình bày là có căn cứ.

Sau khi nhận tiền của bà T thì cũng trong khoảng từ ngày 10/7/2021 đến ngày 07/11/2022 bà B đã 49 lần chuyển tiền trả cho bà T vào tài khoản 44510000397519 tại Ngân hàng TMCP Đ với tổng số tiền là 1.695.840.000 đồng từ 2 tài khoản số 6010103336888 tại Ngân hàng TMCP Q và tài khoản số 090685888 tại ngân hàng TMCP Q1 (V) mang tên Nguyễn Thị Bích .

Quá trình giải quyết vụ án tại các bản tự khai và lời trình bày của bà T và B đều thừa nhận các số tài khoản như đã nêu trên là của các bà, việc cho vay và trả nợ giữa bà T và bà B được thực hiện từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2022 và chỉ bằng hình thức chuyển khoản qua các tài khoản ngân hàng như các bên đã nêu, ngoài ra không còn hình thức cho vay nào khác. Như vậy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên tổng số tiền gốc bà B chưa trả cho bà T là 237.160.000đ như bà T trình bày là có căn cứ.

#### 2.2 Về số tiền lãi chậm trả:

Quá trình giải quyết vụ án bà B thừa nhận chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nợ gốc cho bà T từ tháng 12/2022 nên phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Về mức lãi suất chậm trả: Các đương sự không có thỏa thuận về lãi chậm trả, đồng thời nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất chậm trả 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền này.

**[3] Đối với nội dung** bà B trình bày trong bản tự khai: đề nghị xem xét đối với hành vi của bà T có dấu hiệu của cho vay nặng lãi: Tại phiên tòa đại diện theo ủy



quyền của nguyên đơn trình bày 2 bên cho vay không lãi suất, Bà B không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh về mức lãi suất và số tiền lãi đã trả cho bà T nên HĐXX không có căn cứ xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Thị B phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 244; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 266 ; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468; 469 của Bộ luật dân sự 2005;

Khoản 1 Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với số tiền 547.454.600đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng)

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với bị đơn Nguyễn Thị Bích .

Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phạm Thị T số tiền 270.362.400 đ (hai trăm bảy mươi triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 237.160.000đ (hai trăm ba mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng); tiền lãi chậm trả là 33.202.400đ (ba mươi ba triệu, hai trăm linh hai nghìn, bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.518.120đ (mười ba triệu, năm trăm mười tám nghìn, một trăm hai mươi đồng).

Trả lại nguyên đơn Phạm Thị T số tiền 18.250.000đ (mười tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001667 ngày 10/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên



án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hạ Long;
- Chi cục THADS Tp.Hạ Long;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Đoàn Thị Thủy**